TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 23/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân G và Bà Hà Thị T .

Thư ký phiên toà: Ông Lâu Văn C , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 24/4/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 09/6/2020; Quyết định Hoãn phiên Tòa số: 03/2020/QĐHPT-HS ngày 23/6/2020 đối với bị cáo:

Lương Văn L . Sinh năm 1954. Quê quán: Xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Eo Kén, xã Thành Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Con ông: Lương Văn N và bà: Lương Thị B (Đều đã chết). Vợ thứ nhất: Vi Thị C (đã chết); Vợ thứ hai: Hà Thị H , sinh năm: 1983. Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện nay vợ và các con của bị cáo đang sinh sống tại bản Eo Kén, xã Thành Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có sử dụng trái phép chất ma túy. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/02/2020, chuyển tạm giam ngày 20/02/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/02/2020, bị cáo đi lên huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa rồi sang Lào tìm mua thuốc Nam chữa bệnh cho bản thân. Khi đi đến bản Tén Tằn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, bị cáo đi bộ theo đường mòn sang Lào, khi đi đến huyện Sốp Bâu (Lào), bị cáo vào nhà một người quen tên là P ở nhờ đến ngày 17/02/2020 thì quay về Việt Nam theo đường cũ, đến bản Sốp Hào, huyện Sốp Bâu (Lào), bị cáo thấy có hai người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đang sử dụng ma túy ở trong lán ven đường. Bị cáo đi vào hỏi mua ma túy với hai người đàn ông này với số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được 03 (*ba*) viên Hồng phiến (*ma túy tổng hợp*) và 01 một gói Heroine, bị cáo cầm toàn bộ số ma túy trên bỏ vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi tiếp tục đi bộ theo đường mòn trở về Việt Nam. Khi đi về đến chợ Tén Tằn, thị trấn Mường Lát thì bị Đồn Biên phòng Tén Tằn - BĐBP tỉnh Thanh Hóa kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy mà bị cáo mang theo người.

Tại bản kết luận giám định số 786/MT-PC09 ngày 19/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận vật chứng thu giữ của bị cáo như sau:

- Ba viên màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,281g (không phẩy hai tám một gam) loại: Methamphetamine;

- Một gói nilon chứa cục bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,402g (một phẩy bốn không hai gam) loại: Heroine.

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-MT ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, quy định tại Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm i khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Tuyên Xử bị cáo từ **16** tháng đến **18** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, lại nghiện chất ma túy, nên không có tính thực thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Người bào chữa cho rằng: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét xử mức án thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ

cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ ma túy với khối lượng là 1,683 gam (*một phẩy sáu tám ba gam*) Methamphetanine và heroine, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân, đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy,* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma tuý là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo; Trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

- Số ma túy tang vật vụ án thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) và một điện thoại di động nhãn hiệu UNIFONE; Một điện thoại di động NOKIA 1280 không có pin, đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Đối với hai người đàn ông bán ma túy cho bị cáo, đây là Công dân Lào, bị cáo không biết tên, tuổi, việc mua ma túy diễn ra bên ngoài lãnh thổ Nước Việt Nam, cũng không có ai thấy hay biết, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ căn cứ xác minh, xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên: Bị cáo Lương Văn L phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*"

Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm i khoản 1 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Xử phạt: Hình phạt chính: 16 (*Mười sáu*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (17/02/2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: một phong bì niêm phong toàn bộ số ma túy là vật chứng của vụ án còn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Đinh Tiến Dũng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) và một điện thoại di động nhãn hiệu UNIFONE; Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 không có pin, đã qua sử dụng.

Vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKS-ML, ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số 19/TV-CCTHADS ngày 23/4/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an Huyện Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Thành Sơn, huyện Bá Thước
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.